

Q, ngày 23 tháng 2 năm 2021

Số: 06/2021/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, điều 213, điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 2 năm 2021 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 2 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TM TNHH MTV D (GBank) (gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: Số 109 T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy T - chức vụ: Tổng Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Phương T, Phó giám đốc phụ trách Phòng giao dịch N (theo Giấy ủy quyền số 09/2017/UQ-TGD ngày 16/02/2017 của Tổng Giám đốc GBank); Người được ủy quyền lại: Ông Vũ Danh T; Chức danh: Nhân viên xử lý nợ - Ngân hàng D (theo Giấy ủy quyền số 88/2020/UQ-GD ngày 08 tháng 12 năm 2020).

Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1969.

2. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1973.

Đều có HKTT: Thôn T, xã C, huyện Q, Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1993.
2. Bà **Dương Thị N**, sinh năm 1994.
3. Ông **Nguyễn Công K**, sinh năm 1998.
4. Cháu **Nguyễn Trung N**, sinh năm 2013.
5. Cháu **Nguyễn Trung K**, sinh năm 2016.

Đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Trung N và cháu Nguyễn Trung K là ông Nguyễn Văn N và bà Dương Thị N.

Đều trú tại: Thôn T, xã C, huyện Q, Hà Nội.

II/ Sự thỏa thuận cụ thể của các đương sự như sau:

1/- **Ngân hàng cùng ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị M** đều xác nhận Hợp đồng tín dụng 0141/2013/NCT/HĐTD ngày 03/09/2013 giữa Ngân hàng cùng ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị M thì tính đến ngày 01/12/2020, dư nợ của ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị M tại Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: **173.567.532 đồng** (*Một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi hai đồng*);
 - Nợ lãi trong hạn: **15.990.436 đồng** (*Mười lăm triệu chín trăm chín mươi nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng*);
 - Nợ lãi quá hạn: **294.571.641 đồng** (*Hai trăm chín mươi tư triệu năm trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng*);
- ⇒ Tổng nợ: **484.129.609 đồng** (*Bốn trăm tám mươi tư triệu một trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm linh chín đồng*).

2/-Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị M thống nhất với Ngân hàng trả nợ toàn bộ số tiền trên trong thời hạn 12 tháng, chia làm 12 kỳ, bắt đầu tính từ 15/02/2021 và kết thúc vào ngày 15/1/2022, cụ thể như sau:

Kỳ 1: Chậm nhất vào ngày 15/02/2021, ông X và bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

Kỳ 2: Chậm nhất vào ngày 15/03/2021, ông X và bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

Kỳ 3: Chậm nhất vào ngày 15/04/2021, ông X và bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

Kỳ 4: Chậm nhất vào ngày 15/05/2021, ông X và bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

Kỳ 5: Chậm nhất vào ngày 15/06/2021, ông X và bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

Kỳ 6: Chậm nhất vào ngày 15/07/2021, ông X và bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

Kỳ 7: Chậm nhất vào ngày 15/08/2021, ông X và bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

Kỳ 8: Chậm nhất vào ngày 15/09/2021, ông X và bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

Kỳ 9: Chậm nhất vào ngày 15/10/2021, ông X và bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

Kỳ 10: Chậm nhất vào ngày 15/11/2021, ông X và bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

Kỳ 11: Chậm nhất vào ngày 15/12/2021, ông X và bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

Kỳ 12: Chậm nhất vào ngày 15/01/2022, ông X và bà M phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại.

Số tiền nộp hàng tháng được ưu tiên tính vào gốc. Sau khi thanh toán hết toàn bộ số gốc, ông X, bà M có đơn xin miễn, giảm lãi ngân hàng sẽ xem xét miễn giảm lãi cho ông X, bà M theo quy định của ngân hàng.

Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, nếu ông X và bà M vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào nêu trên (về thời gian và số tiền) thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp công chứng số 016317/2012, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 30/8/2012 và Phụ lục hợp đồng công chứng số 016317/2012, quyền số 03 TP/CC-SCC/PLHĐ ngày 25/05/2013 tại Văn phòng Công chứng T, tài sản bảo đảm là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28, số tờ bản đồ 05, diện tích 120m² tại xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 607929, số vào sổ cấp GCN: CH 482 do UBND huyện Q cấp cho ông Nguyễn Văn X ngày 06/7/2011.*

Toàn bộ số tiền thu được từ việc Bán/Xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông X, bà M đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông X, bà M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

3/- Trong khoảng thời gian ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị M chưa thanh toán hết cho Ngân hàng TM TNHH MTV D toàn bộ khoản nợ thì ông X, bà M và gia đình cam kết giữ gìn tài sản bảo đảm nguyên trạng như hợp đồng thế chấp đã ký và phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi khi Ngân hàng thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm.

4/- Kể từ ngày 02/12/2020 ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị M còn phải chịu khoản nợ lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0141/2013/NCT/HĐTD ngày 03/09/2013 đối với khoản dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

5/- Về án phí: Ông X, bà M tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là 11.683.000 đồng (*mười một triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

Ngân hàng TM TNHH MTV D không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại ngân hàng số tiền 11.680.000 đồng (mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011401 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Ngân hàng TM TNHH MTV D chịu toàn bộ chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Thanh

